

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST

Ngày: 26/4/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Vân

2/ Ông Trần Văn Nhị

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 426/2018/TLST-DS, ngày 06/12/2018. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐST-DS, ngày 21/3/2019 giữa:

* **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp NT, xã NTT, thành phố TA, tỉnh Long An.

* **Bị đơn:** Ông **Phạm Quang L**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp 4, xã NT, huyện X, tỉnh Long An.

(Ông N có mặt. Ông L vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng N trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Do quen biết, ông đã cho ông Phạm Quang L vay tiền 6 lần cụ thể: Lần 1 ngày 28/3/2017 số tiền 15.000.000đ, lần 2 ngày 28/4/2017 số tiền 6.000.000đ. Hai lần vay này có làm giấy tay. Giấy tay vay tiền ngày 28/3/2017 và ngày 28/4/2017 phần tên và địa chỉ của ông thì ông tự ghi, ngày trả tiền 28/8/2017 là do ông tự ghi sau do ông L hứa hoài mà không trả tiền cho ông. Phần thông tin của ông L thì do ông L tự ghi và ký tên.

Lần 3 cho vay 10.000.000đ; lần 4 cho vay 10.000.000đ; lần 5 cho vay 5.000.000đ; lần 6 cho vay 4.500.000đ. Những lần này không nhớ ngày và không làm giấy vay tiền. Thời hạn trả tiền là 3 tháng nhưng chỉ nói miệng. Lãi suất cho vay 5%/tháng. Ông L có trả tiền cho ông được mấy tháng tiền lãi nhưng không nhớ rõ.

Trước đây, ông cho vay là đã cho ông L điền thông tin của ông L và ký tên bên vay nhưng chưa có điền ngày cho vay và ngày trả. Sau này, do ông L không trả nên ông mới điền ngày cho vay và ngày trả sau nên bị nhầm lẫn. Thực chất số tiền 6.000.000đ ông cho ông L vay trước. Ông có khởi kiện đến ủy ban xã NT nhưng ông L tránh mặt không đi.

Số tiền 15.000.000đ ông L đóng lãi tháng 5 và 6/2017 là 1.500.000đ. Số tiền 6.000.000đ đóng lãi tháng 4, 5 và 6/2017 là 900.000đ. Các lần vay sau không nhớ trả lãi bao nhiêu nhưng nhớ đến tháng 7/2017 thì không đóng lãi nữa.

Nay ông yêu cầu ông L trả cho ông 50.500.000đ, không yêu cầu lãi suất.

* Bị đơn ông Phạm Quang L trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của ông N, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N buộc ông L trả 21.000.000đ. Về việc ông N rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 29.500.000đ đề nghị đình chỉ.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự xác định không cung cấp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông L vắng mặt suốt quá trình tố tụng dù đã được triệu tập hợp lệ, nên tòa án giải quyết vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 29.500.000đ nên Tòa án đình chỉ xét xử yêu cầu này. Ông N được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến, không có phản đối gì đối với yêu cầu của ông N là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án trên những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

Ông Phạm Quang L đã vay 6 lần cụ thể: Lần 1 ngày 28/3/2017 số tiền 15.000.000đ; lần 2 ngày 28/4/2017 số tiền 6.000.000đ; lần 3 số tiền cho vay 10.000.000đ; lần 4 vay 10.000.000đ; lần 5 vay 5.000.000đ; lần 6 vay 4.500.000đ.

Ông N đã rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông L trả tiền vay của 4 lần vay sau và chỉ yêu cầu ông L trả tổng cộng 21.000.000đ tiền vay của lần 1 ngày 28/3/2017 số tiền 15.000.000đ; lần 2 ngày 28/4/2017 số tiền 6.000.000đ. Do ông L không cung cấp bất kỳ tài liệu nào thể hiện là đã trả tiền vay, nên ông N khởi kiện yêu cầu ông L trả 21.000.000đ là phù hợp với quy định về hợp đồng vay tài sản tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Về phần lãi suất: Ông N thừa nhận ông L đã trả lãi được tổng cộng 2.400.000đ. Lãi suất của hai bên thỏa thuận 5%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tuy nhiên, lãi suất mà ông L phải trả cho ông N theo quy định pháp luật tổng cộng là 12.118.300đ, cụ thể như sau:

- Lãi suất số tiền 15.000.000đ từ ngày 28/3/2017 đến ngày 26/4/2019: $(15.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 5 \text{ tháng}) + (15.000.000đ \times 2,5\%/tháng \times 1 \text{ năm } 7 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}) = 8.727.500đ$

- Lãi suất số tiền 6.000.000đ từ ngày 28/4/2017 đến ngày 26/4/2019: $(6.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 4 \text{ tháng}) + (6.000.000đ \times 2,5\%/tháng \times 1 \text{ năm } 7 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}) = 3.390.800đ$.

Ông L trả tiền lãi 2.400.000đ thấp hơn số lãi phải trả cho ông N và ông N không yêu cầu ông L trả thêm tiền lãi là có lợi cho ông L và là sự tự nguyện của đương sự nên tòa án không xem xét về lãi suất.

Từ các phân tích trên, buộc ông L trả cho ông N số tiền 21.000.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Ông L phải chịu 1.050.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 48, 147, 218, 219, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng N đối với ông Phạm Quang L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Phạm Quang L phải trả cho ông Nguyễn Trọng N số tiền 21.000.000đ.

Kể từ ngày ông Nguyễn Trọng N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, ông Phạm Quang L phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng N đối với ông Phạm Quang L về việc yêu cầu trả 29.500.000đ. Ông Nguyễn Trọng N được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Quang L phải chịu 1.050.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trọng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại 1.265.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001621, ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

4/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận bản án hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Long An;
- THA, VKS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng